

KẾT QUẢ ĐIỂM KIỂM TRA HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2022-2023
CÁC LỚP XÉT TUYỂN THĂNG NĂM 2022

LỚP: DB2229A5

Trang: 1

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM KIỂM TRA				ĐTB
						TOÁN	VĂN	ANH	TIN HỌC	
1	T2200223	NGUYỄN THỊ NGỌC	LAM	X	22/08/2004	5,5	8,5	3,5	8,0	6,5
2	T2200269	CAO KHÁNH	MINH		31/10/2004	7,0	7,0	3,0	5,5	5,9
3	T2200327	PHAN THỊ THẢO	NHI	X	12/12/2004	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
4	T2200386	HỒ THỊ THẢO	QUYÊN	X	27/03/2004	8,0	7,5	5,0	7,0	7,1
5	T2200389	NGUYỄN THỊ TÚ	QUYÊN	X	20/02/2004	9,0	7,5	4,0	4,5	6,7
6	T2200391	VÕ KIM	QUYẾN	X	16/10/2004	6,5	8,0	3,0	3,5	5,7
7	T2200397	LÊ ĐẶNG PHƯỚC	SANG		29/08/2004	5,0	7,5	3,0	6,0	5,6
8	T2200404	TRƯƠNG TẤN	TÀI		17/05/2004	8,5	8,5	3,0	6,5	7,0
9	T2200405	TRẦN HỮU	TÀI		09/03/2004	4,0	6,0	3,5	4,0	4,5
10	T2200416	NGUYỄN CHÍ	THÂN		07/10/2004	6,5	6,0	2,5	5,0	5,3
11	T2200418	TIÊU PHÚ	THĂNG		10/05/2004	8,5	7,0	5,0	7,5	7,2
12	T2200424	HUỲNH THANH	THẢO	X	19/03/2004	7,5	6,5	4,0	5,0	6,0
13	T2200427	TRẦN PHƯƠNG	THẢO	X	14/07/2004	9,5	9,5	5,5	9,0	8,6
14	T2200429	TRẦN HỒNG	THỂ	X	06/11/2003	8,0	7,5	4,5	8,0	7,2
15	T2200431	LÊ NGUYỄN MINH	THI	X	20/01/2004	9,0	7,0	6,0	9,0	7,8
16	T2200432	TỔNG MINH	THÌ		02/09/2004	7,5	7,0	5,0	7,0	6,8
17	T2200436	NGUYỄN NGỌC	THIỆN		25/12/2003	6,5	5,0	2,0	6,5	5,2
18	T2200437	LÊ THỊ NGỌC	THIỆU	X	10/01/2004	9,0	6,5	4,5	6,5	6,9
19	T2200445	TRẦN PHƯỚC	THỊNH		07/08/2004	6,5	4,5	2,5	7,0	5,2
20	T2200446	ÔNG DIỆP	THỊNH		15/03/2004	4,5	6,5	3,0	4,0	4,7
21	T2200449	LÂM THỊ NGỌC	THƠ	X	26/03/2004	4,5	8,0	2,0	7,5	5,7
22	T2200454	VÕ THANH	THOẢNG	X	08/04/2004	6,5	8,5	3,0	5,0	6,1
23	T2200455	VÕ ANH	THƯ	X	14/08/2004	8,5	6,0	4,0	5,0	6,2
24	T2200458	NGUYỄN THỊ THANH	THƯ	X	02/05/2004	9,5	8,0	6,0	8,0	8,1
25	T2200459	TRẦN NGỌC ANH	THƯ	X	11/08/2004	6,5	7,0	4,0	8,5	6,6
26	T2200460	ĐẶNG THỊ ANH	THƯ	X	28/05/2004	8,5	8,5	6,0	8,0	7,9
27	T2200465	NGUYỄN MINH	THƯ	X	13/11/2004	3,5	4,5	2,5	2,0	3,3
28	T2200470	HUỲNH QUẢNG ANH	THƯ	X	07/10/2004	9,0	9,5	4,5	7,0	7,9
29	T2200471	TRẦN MINH	THUẦN		11/11/2004	4,5	6,0	4,0	8,0	5,6
30	T2200512	LÊ THỊ	TRẦN	X	12/06/2003	6,5	6,0	4,5	7,0	6,1
31	T2200513	NGUYỄN THỊ HUỲNH	TRẦN	X	27/01/2004	6,5	8,0	5,0	6,0	6,6
32	T2200552	QUẢNG TRỌNG	TỶ		17/07/2004	5,5	7,0	3,5	6,5	5,8
33	T2200566	PHẠM THỂ	VĨ		26/05/2004	4,5	5,0	3,5	7,0	5,0
34	T2200577	TRẦN THỊ THÙY	VY	X	22/04/2003	6,5	8,5	5,0	7,5	7,0
35	T2200594	XÀ NGỌC NHƯ	Ý	X	14/09/2004	10,0	9,5	6,0	9,0	8,9
36	T2200624	BẠCH THANH	TOÀN		15/07/2004	6,5	6,0	2,5	6,0	5,5



$$ĐTB = ((Toán * 12) + (Văn * 12) + (Anh văn * 8) + (Tin học * 8))/40$$

Nguyễn Minh Trí

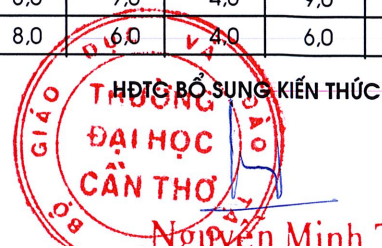
KẾT QUẢ ĐIỂM KIỂM TRA HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2022-2023
CÁC LỚP XÉT TUYỂN THĂNG NĂM 2022

LỚP: DB2229A6

Trang: 1

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM KIỂM TRA				ĐTB
						TOÁN	VĂN	ANH	TIN HỌC	
1	T2200003	MẠC THANH	AN		14/12/2004	5,5	5,5	3,5	7,5	5,5
2	T2200018	LỤC QUỲNH	ANH	X	28/07/2004	9,5	9,0	4,5	7,5	8,0
3	T2200056	TẶNG CHÍ	ĐĂNG		24/10/2004	9,5	6,5	4,5	9,0	7,5
4	T2200110	PHẠM NGỌC	GIÀU	X	01/02/2004	5,5	6,5	3,5	4,0	5,1
5	T2200125	NGUYỄN NGỌC	HÂN	X	27/05/2004	5,0	6,0	3,5	7,0	5,4
6	T2200135	LƯU GIA	HẠO		06/08/2004	6,0	8,0	5,0	7,5	6,7
7	T2200156	LÊ THỊ MỸ	HƯƠNG	X	28/01/2004	2,0	5,0	4,0	4,5	3,8
8	T2200159	TRẦN MINH	HUY		20/03/2004	6,5	5,5	4,0	6,0	5,6
9	T2200268	HỒ THỊ	MẾN	X	12/12/2004	6,5	7,0	6,0	6,0	6,5
10	T2200276	NGUYỄN THỊ DIỄM	MY	X	15/02/2004	5,0	5,5	2,0	5,0	4,6
11	T2200365	TRÀ HOÀNG	PHÚC		27/10/2004	6,5	6,0	4,0	6,5	5,9
12	T2200461	TRẦN MINH	THƯ	X	09/04/2004	7,5	9,5	4,0	8,0	7,5
13	T2200469	NGUYỄN ANH	THƯ	X	09/01/2004	6,5	7,0	5,0	7,0	6,5
14	T2200473	NGUYỄN GIA	THUẬN		25/04/2004	5,5	5,0	4,5	8,0	5,7
15	T2200474	NGUYỄN TRÍ	THỨC		10/02/2004	7,5	7,0	5,0	5,0	6,4
16	T2200475	LÝ THỊ CẨM	THƯƠNG	X	16/04/2002	6,5	6,0	3,0	5,0	5,4
17	T2200477	ĐOÀN LÊ GIA	THUY	X	12/08/2004	8,5	8,5	6,0	9,0	8,1
18	T2200480	NGUYỄN VIỆT	THUY	X	18/04/2004	5,5	8,0	4,5	5,5	6,1
19	T2200484	THÁI MỸ	TIỀN	X	25/09/2004	8,0	8,0	5,5	8,0	7,5
20	T2200485	LŨ THỊ CẨM	TIỀN	X	03/09/2004	4,5	4,0	3,5	3,5	4,0
21	T2200493	NGUYỄN TRUNG	TÍNH		05/03/2004	4,0	4,5	2,0	4,0	3,8
22	T2200495	TRẦN QUỐC	TÍNH		04/04/2004	7,5	5,0	3,0	5,5	5,5
23	T2200508	CAM NGUYỄN TÚ	TRẦN	X	29/08/2004	7,5	9,0	5,0	7,5	7,5
24	T2200510	HUỲNH NGỌC	TRẦN	X	10/12/2004	9,5	6,5	4,0	6,0	6,8
25	T2200511	LÊ QUYỀN	TRẦN	X	19/12/2004	5,5	6,0	4,5	7,5	5,9
26	T2200516	LÊ THỊ KIỀU	TRANG	X	11/02/2004	9,5	8,5	5,5	7,5	8,0
27	T2200519	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	X	08/08/2004	9,5	8,0	5,0	8,5	8,0
28	T2200522	VÔ THỊ THÙY	TRANG	X	30/12/2004	8,5	8,0	5,5	7,5	7,6
29	T2200525	LÊ MINH	TRÍ		24/02/2004	4,5	5,5	4,0	6,0	5,0
30	T2200530	LÊ NGỌC	TRINH	X	30/03/2004	6,5	9,0	2,0	5,0	6,1
31	T2200533	NGUYỄN NAM KHÁNH	TRÌNH		04/05/2004	9,5	7,5	6,5	8,0	8,0
32	T2200536	NGUYỄN ĐỨC	TRỌNG		05/11/2004	9,5	6,5	3,5	6,5	6,8
33	T2200537	NGUYỄN HỮU	TRỌNG		17/02/2004	6,5	6,5	4,0	6,5	6,0
34	T2200539	HỨA THANH	TRÚC	X	23/07/2004	7,0	6,5	7,0	7,0	6,9
35	T2200540	HUỲNH QUỐC	TRUNG		16/01/2004	7,0	6,5	3,5	6,5	6,1
36	T2200541	NGUYỄN MINH	TRƯƠNG		06/02/2004	7,5	7,0	4,0	8,0	6,8
37	T2200592	LÊ KIM	XUYẾN	X	30/11/2004	6,5	7,0	4,5	7,0	6,4
38	T2200601	LÊ THỊ NHƯ	Ý	X	05/04/2004	8,5	9,0	4,0	9,0	7,9
39	T2200622	PHẠM THỊ NGỌC	TRẦN		06/05/2004	8,0	6,0	4,0	6,0	6,2

$$ĐTB = ((Toán * 12) + (Văn * 12) + (Anh văn * 8) + (Tin học * 8))/40$$



KẾT QUẢ ĐIỂM KIỂM TRA HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2022-2023
CÁC LỚP XÉT TUYỂN THÁNG NĂM 2022

LỚP: DB2229A7

Trang: 1

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM KIỂM TRA				ĐTB
						TOÁN	VĂN	ANH	TIN HỌC	
1	T2200051	TRẦN HỒNG	ĐANG	X	31/07/2004	7,0	7,5	4,0	6,0	6,4
2	T2200127	LÊ NGUYỄN PHÚC	HÂN		08/08/2004	3,5	6,5	3,0	5,0	4,6
3	T2200198	TRẦN MINH	KHIẾT		15/10/2004	6,5	8,0	5,0	6,5	6,7
4	T2200216	NGÔ MINH	KIỆT		14/08/2004	7,5	7,5	5,0	7,0	6,9
5	T2200220	NGUYỄN DIỄM	KIỀU	X	28/03/2004	3,5	8,0	4,0	5,0	5,3
6	T2200283	VÕ HUỖNH	NAM		08/02/2004	6,5	6,5	5,5	6,0	6,2
7	T2200291	PHẠM THỊ KIM	NGÂN	X	15/05/2004	7,0	8,0	2,0	4,5	5,8
8	T2200341	HUỖNH	NHƯ	X	02/08/2004	7,5	8,0	3,5	7,5	6,9
9	T2200406	TRẦN HỒNG BĂNG	TÂM	X	14/12/2004	5,5	8,0	4,0	7,0	6,3
10	T2200478	TRẦN NGỌC	THÚY	X	19/01/2004	10,0	8,5	7,0	9,0	8,8
11	T2200490	TỪ THOẠI	TIÊN	X	31/01/2004	5,5	8,0	3,0	7,0	6,1
12	T2200546	LÊ THỊ MỘNG	TUYẾN	X	09/06/2004	5,0	9,0	2,5	8,0	6,3
13	T2200548	TRẦN BÍCH	TUYẾN	X	05/04/2004	7,5	7,0	2,0	5,5	5,9
14	T2200567	NGUYỄN HOÀNG	VINH		24/10/2004	10,0	9,0	5,0	8,0	8,3
15	T2200569	ĐÌNH TÀI	VŨ		25/01/2004	9,5	7,5	4,0	7,0	7,3
16	T2200572	NGUYỄN MINH	VƯƠNG		11/03/2004	8,0	8,0	5,0	7,5	7,3
17	T2200580	NGUYỄN TƯỜNG	VY	X	18/05/2004	9,0	9,0	3,5	7,0	7,5
18	T2200581	TÔ THỊ YẾN	VY	X	29/02/2004	9,5	9,5	4,5	7,0	8,0
19	T2200582	TRẦN THỊ YẾN	VY	X	23/04/2004	10,0	9,5	6,5	8,0	8,8
20	T2200586	DANH THANH	XUÂN		10/06/2004	8,5	8,5	3,5	8,0	7,4
21	T2200587	LÊ VĂN	XUYỀN		03/12/2004	8,5	9,0	4,5	7,5	7,7
22	T2200590	VÕ KIM	XUYẾN	X	03/09/2004	7,5	9,5	4,0	6,5	7,2
23	T2200593	VÕ THỊ KIM	XUYẾN	X	19/07/2004	6,5	6,0	5,0	7,0	6,2
24	T2200597	NGUYỄN NHƯ	Ý	X	17/07/2004	8,5	8,0	5,0	8,5	7,7
25	T2200607	ĐỖ THỊ HẢI	YẾN	X	09/03/2004	8,0	9,5	5,0	7,5	7,8
26	T2200609	LÊ TRỌNG	PHÚC		02/06/2004	8,5	8,0	6,0	7,5	7,7
27	T2200610	HUỖNH GIA	HUY		21/04/2004	8,5	7,0	5,0	6,0	6,9
28	T2200613	BÙI TRƯƠNG PHẠM HỒNG	NHIÊN	X	28/12/2004	8,0	9,5	4,5	7,5	7,7
29	T2200614	ĐẶNG NHỰT	MINH		21/12/2004	8,0	6,5	2,0	6,5	6,1
30	T2200615	ĐÌNH THỊ TƯỜNG	VI	X	03/04/2004	6,5	8,0	2,5	4,5	5,8
31	T2200616	HUỖNH HOÀI	MY	X	20/12/2004	7,5	8,5	5,5	8,0	7,5
32	T2200618	TRẦN THANH	LỢI		02/03/2004	7,0	7,0	4,0	3,5	5,7
33	T2200619	NGUYỄN THỊ	NGOAN	X	12/04/2004	8,5	9,5	4,5	6,5	7,6
34	T2200620	VÕ THỊ NHUNG	HUYỀN	X	11/06/2004	8,0	8,5	3,5	7,5	7,2
35	T2200621	NGÔ TUYẾT	QUYÊN	X	16/01/2004	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	



$$ĐTB = ((Toán * 12) + (Văn * 12) + (Anh văn * 8) + (Tin học * 8))/40$$